| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 209/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2021
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Sang**.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Phan Phước Tân**;

2. Bà **Dương Thị Thúy Duy**.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Nguyễn Hoàng Huynh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 277/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tiểu M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 26, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*: Ông Phan Văn H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 26, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà M, ông H có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Tiểu M trình bày: Hôn nhân giữa bà M và ông H là do hai bên tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 030 ngày 08/04/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 11/2020 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, do ông H không quan tâm vợ con mà lo ăn chơi, còn vay nợ bên ngoài nhiều lần bà phải lo trả nợ.

Trong thời gian ly thân, ông H và gia đình hai bên cũng nhiều lần hàn gắn tình

cảm nhưng bà không còn niềm tin và hiện không còn tình cảm với ông H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà M và ông H có 02 (hai) con chung tên: Phan Văn Đ, sinh ngày 06/11/2009 và Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/04/2018. Bà M có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác định không có.

Bị đơn ông Phan Văn H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà M về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông thừa nhận là có ăn chơi, không quan tâm vợ con nhưng từ khi ly thân, ông đã sửa đổi. Ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông hứa sống có trách nhiệm với gia đình.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung họ tên, năm sinh đúng như lời bà M trình bày. Từ khi ly thân đến nay, các cháu Đ và V sống chung với bà M. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, ông yêu cầu được nuôi cháu Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/04/2018, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Thống nhất với bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định không có.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận. Bà M và ông H không có ý kiến, thống nhất với những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2021 được mẹ ruột của bà M và hàng xóm của bà M cho biết: Về mâu thuẫn giữa M và H cải vã nhau là sự thật, hiện nay bà M và ông H không còn sống chung. Gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải cho hai bên sống đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ăn chơi, gây nợ nần bắt bà M phải đứng ra trả nhiều lần nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Trong việc nuôi con, bà M là người mẹ tốt nuôi các cháu Đ và V đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần.

Tại phiên toà, bà M, ông H vẫn bảo lưu ý kiến và xác định không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác. Ngoài ra, bà M và ông H cùng xác định, bà M có trách nhiệm trả nợ cho chị hai và mẹ ruột của bà M còn ông H có trách nhiệm trả nợ cho dì út bà M và Viettel, do các khoản nợ này là nợ riêng của bà M và ông H nên cả hai tự trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà M và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có giải pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Văn Đ, sinh ngày 06/11/2008 và Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/04/2018. Xét thấy, con chung hiện do bà M nuôi dạy. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Đ và V cho bà M tiếp tục nuôi con chung là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà M không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà M.

Về quan hệ tài sản chung: Do bà M, ông H không yêu cầu và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ riêng: Bà M và ông H xác định tự trả nợ riêng, không yêu cầu Tòa án gải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M khởi kiện xin ly hôn với ông H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân giữa bà M và ông H đã lâu, trong thời gian ly thân gia đình hai bên và ông H đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa bà M xác định không còn tình cảm với ông H và kiên quyết ly hôn, ông H cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm của bà M và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông H có 02 con chung tên Phan Văn Đ, sinh ngày 06/11/2009 và Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/04/2018, do bà M đang nuôi dạy. Bà M và ông H thống nhất: Bà M được tếp tục nuôi cháu Đ và cháu Đ cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Xét yêu cầu nuôi cháu V của bà M và ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân đến nay, cháu V sống chung với bà M và cháu Đ, tình cảm mẹ con và anh em V đã thật sự khắn khít. Đồng thời, tại biên bản xác minh những người hàng xóm cho biết bà M chăm sóc các con đầy đủ về vật chất cả tinh thần. Hơn nữa, cháu V là con gái, chỉ hơn 03 tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ trong sinh hoạt đời sống hàng ngày. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M giao hai con chung cho bà M được tiếp

tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, có người khởi kiện và có chứng cứ chứng minh nợ chung của bà M và ông H thì bà M và ông H phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ riêng: Bà M và ông H thống nhất, bà M có trách nhiệm trả nợ cho chị hai và mẹ ruột của bà M còn ông H có trách nhiệm trả nợ cho dì út bà M và Viettel. Tại phiên tòa, bà M và ông H cùng xác định đây là nợ riêng và tự trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tiểu M.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tiểu M được ly hôn với ông Phan Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 030 ngày 08/04/2008 do Ủy ban nhân dân xã P cấp không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Văn Đ, sinh ngày 06/11/2009 và Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/04/2018 cho bà M được tiếp tục nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tiểu M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006965 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (Bà M đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Sang**